

# Tuệ Trung Thượng Sĩ

*Nguyễn Lang*

*(Chương XI, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập I)*

*(tiếp theo kỳ trước)*

## **ĐẬP VỠ THÁI ĐỘ BÁM VÍU VÀO KHÁI NIỆM**

Trong lúc giáo hóa môn đệ, Tuệ Trung đã sử dụng những đòn mãnh liệt nhằm giải phóng người đối thoại khỏi những ngục tù của khái niệm về giáo lý tìm thấy trong kinh điển và trong các lời dạy của các vị cổ đức. Phương pháp của Tuệ Trung thường làm cho người đối thoại cảm thấy hoàn toàn lạc hướng và do đó mà thoát ly khỏi ngục tù của khái niệm. Đây ta thử nghe một vài đối thoại:

Một vị tăng hỏi: Thế nào là pháp thân trong sạch?

Tuệ Trung:

*Ra vào đồng phân ngựa*

*Nghiên tắm vũng nước trâu*

Vị tăng; Làm sao mà chúng nhập được?

Tuệ Trung: Bỏ được những khái niệm về đơ bản thì tự khắc đó chính là pháp thân trong sạch. Hãy nghe bài kệ sau đây:

*Dơ, sạch là tên suông*

*Xưa nay chưa hề có*

*Pháp thân không giới hạn*

*Có dơ sạch bao giờ?*

(Bản lai vô cầu tịnh

Cầu tịnh tổng hư danh

Pháp thân vô quái ngại

Hà trọc phục hà thanh?)

Trong trường hợp trên người đối thoại đã bị ám ảnh bởi khái niệm "pháp thân thanh tịnh" (pháp thân trong sạch). Tuệ Trung đã dùng những hình ảnh phân ngựa và vũng nước trâu để giải độc và đưa người đối thoại đi tới pháp thân như một thực tại vượt mọi khái niệm trong đó có khái niệm thanh tịnh và khái niệm ô nhiễm.

Ai cũng biết trong kinh Bát Nhã, mệnh đề "sắc tức thị không, không tức thị sắc" là mẫu chốt. Vấn đề là thâm nhập thực tại vốn siêu việt các ý niệm sắc (hình chất) và không (trống rỗng) chứ không phải là giải thích được một công thức sắc = không. Người đối thoại của Tuệ Trung đã đi tìm một công thức hơn là đi tìm một thực sự chứng nhập. Ông ta hỏi:

- Trong kinh có câu "sắc tức thị không, không tức thị sắc", ý là thế nào?

Tuệ Trung không trả lời. Một lát sau, ông nhìn người kia, hỏi:

- Ông có hiểu không?

Người kia:

- Không hiểu.

Tuệ Trung:

- Ông có sắc thân (hình thể) không?

Người kia:

- Có

Tuệ trung:

- Vậy thì làm sao nói sắc là không?

Lại hỏi:

- Ông có thấy cái không (sự trống rỗng) có hình thể (sắc) không?

Người kia:

- Không thấy.

Tuệ Trung:

- Vậy thì sao nói không là sắc?

Người kia:

- Như vậy thì rốt cuộc như thế nào?

Tuệ Trung:

Sắc chẳng phải không

Không chẳng phải sắc.

Vị tăng lễ tạ.

Tuệ Trung gọi lại và đọc cho nghe bài kệ sau đây:

*"Sắc tức thị không, không tức thị sắc"*

*Chư Phật ba đời tạm thời bày đặt*

*Không chẳng phải sắc, sắc chẳng phải không:*

*Thể tính sáng trong, không hề còn mất.*

(Sắc tức thị không không tức thị sắc

Tam thế Như Lai phương tiện lực

Không bốn vô sắc sắc vô không:

Thể tính minh minh phi thất đặc).

và hét một tiếng."

Tuệ Trung, trong cuộc đối thoại này, đã nói ngược lại điều trong kinh nói, nói ngược một điều mà ai cũng biết là cốt tủy của kinh giáo. Kinh nói: "sắc là không, không là sắc" thì Tuệ Trung nói "sắc chẳng phải không, không chẳng phải sắc". Người đối thoại hoặc có thể cho ông lạc ra ngoài đạo, hoặc là kẻ vô cùng ngạo mạn, hoặc là một người điên. Ở đây, có lẽ uy tín tinh thần của Tuệ Trung lớn quá cho nên khi nghi Tuệ Trung lật ngược lời kinh, người đối thoại của ông chỉ biết cúi đầu vâng lời. Tuệ Trung biết là người kia chưa hiểu nên mới gọi lại đọc cho một bài kệ. Bài kệ đó có tác dụng giải thích mà không có tác dụng đập phá khơi mở như lời tuyên bố trước đó. Chính Trần Nhân Tông cũng đã nhận của Tuệ Trung một bài kệ thuộc loại đập phá khơi mở này, bài kệ có thể làm sững sốt hết những người mới tập tễnh vào thiên đạo:

*Trì giới và nhẫn nhục*

*Thêm tội chẳng được phước*

*Muốn siêu việt tội phúc*

*Đứng trì giới nhẫn nhục.*

(Trì giới kiêm nhẫn nhục

Chiêu tội bất chiêu phúc

Dục tri vô tội phúc

Phi trì giới nhẫn nhục).

Trong thiên giới có nhiều người bắt đầu bằng sự tham cứu về một khái niệm về thực tại, trong khi vấn đề là sống với chính thực tại. Có một vị sư hỏi Tuệ Trung:

- Thế nào là đạo?

Tuệ Trung:

- Đạo không dính gì tới câu hỏi

Câu hỏi không dính gì tới đạo

Lại hỏi:

- Các vị đại đức ngày xưa nói "vô tâm tức là đạo". Có phải vậy chăng?

Tuệ Trung:

- Vô tâm chẳng phải đạo

Vô tâm là vô đạo.

Lại nói:

- Nếu nói vô tâm là đạo thì tất cả mọi loài thảo mộc kia đều là đạo cả hay sao? Nếu nói vô tâm không phải là đạo thì cần gì nói tới chuyện là và không là làm gì?

Hãy nghe bài kệ sau đây:

*Vô tâm là vô đạo*

*Đạo không thể vô tâm  
Tâm, đạo đều mất dấu  
Biết đâu mà truy tìm?  
(Bổn vô tâm vô đạo  
Hữu đạo bất vô tâm  
Tâm đạo nguyên hư tịch  
Hà xứ cánh truy tìm?)*

Vị tăng bỗng lãnh hội ý chỉ, làm lễ mà lui ra.

Khái niệm "đạo" sau câu nói của Tuệ Trung, biến thành khái niệm "vô tâm", bởi vì người xưa thường nói "đạo là vô tâm", có nghĩa rằng đạo không thể khái niệm. Chính Tuệ Trung đã muốn nói rằng những câu hỏi, những câu trả lời và những câu trả lời đều không dính líu tới đạo; đạo phải được thực chứng bằng thiền định, bằng nếp sống giới-định-tuệ. Nhưng người đối thoại đã bằng lòng đánh đổi một khái niệm (đạo) để lấy một khái niệm khác (vô tâm). Dĩ nhiên là Tuệ Trung phải đã phá triệt để, ông nói ngược lại điều mọi vị cổ đức nói: vô tâm không phải là đạo. Ông đã nói đúng, bởi vì vô tâm là một khái niệm thì nó không phải là vô tâm nữa, do đó không phải là đạo. Tuy nhiên, sau khi đưa ra lời tuyên bố kinh thiên động địa, Tuệ Trung đã ôn tồn giải thích bằng một bài kệ. Ông thật sự có lòng từ bi, và tuy ông dùng biện pháp mạnh, ít khi ông sử dụng đến chiếc gậy của phái Lâm Tế mà ông đã được tiếp nhận truyền thừa. Nhân Tông đã nhận xét đúng khi nói về khả năng dìu dắt người sơ cơ của Tuệ Trung vậy.

### **ĐẬP PHÁ QUAN NIỆM LƯƠNG NGUYÊN**

Phương pháp của Tuệ Trung không phải chỉ là phá đổ khái niệm. Tuệ Trung còn mời người đối thoại đi thẳng vào thế giới thực chứng bằng cách tháo tung mọi bức tường phân biệt vây quanh: đó là những bức tường mê ngộ và phàm thánh. Đây quả thực là phương pháp đốn ngộ của đại thừa: nó hiến dâng cho người có thượng căn thượng trí cơ hội giác ngộ đột ngột khỏi căn trái qua trung gian của hàng chục năm tham khảo.

Khi đặt ra vấn đề giải thoát, người ta đã dựng lên một ranh giới ngăn cách giữa triền phược và giải thoát, giữa mê và ngộ, giữa sinh tử và niết bàn, giữa phàm và thánh, và như thế, đã chấp nhận một quan niệm lương nguyên về tình trạng thực tại. Nếu ta nhận thấy rằng ta đang ở bên phía của triền phược, của mê, của sinh tử, của phàm, thì tất nhiên ta có khuynh hướng từ bỏ vị trí của ta để tìm sang vị trí của giải thoát, của ngộ, của niết bàn, của thánh; và đối tượng tìm kiếm của ta tức khắc trở thành một vật đứng ngoài ta, do đó ta mới phải đi tìm:

Tuệ Trung nói rằng ranh giới phân biệt là nguồn gốc của mọi sự ràng buộc, mê lầm: nó là giây buộc ta trong sinh tử và khiến ta mãi mãi là kẻ phàm nhân. Tên gọi của sự phân biệt ấy là "nhị kiến", tức là nhận thức lương nguyên về thực tại ông nói:

*Thân tử vô tướng, vốn là không  
Huyễn hóa phân ra thành "nhị kiến"  
Ta, người như móc cũng như sương  
Phàm, thánh như sấm cũng như chớp..*

(Lược)

*Mày ngang mũi dọc đều như nhau  
Phật cùng chúng sinh không ai khác  
Ai là phàm chứ, ai là thánh?  
Muôn kiếp sơ tâm mất căn tính  
Không tâm không thị cũng không phi  
Không kiến, chẳng tà cũng chẳng chính.*

(Thân tòng vô tướng bổn lai không  
Huyễn hóa phân sai thành "nhị kiến"  
Ngã nhân tự lộ diệc tự sương  
Phàm thánh như lôi diệc như điện...

(lược)

Mi mao tiêm hoành tị khổng thù  
Phật dữ chúng sinh đô nhất diệnư  
Thục thị phàm hề thục thị thánh  
Quảng kiếp sưu tầm một căn tính  
Phi tâm vô thị diệt vô phi  
Vô kiến, phi tà giả phi chính...)

Nếu ta phân tích dòng tư tưởng của Tuệ Trung, ta sẽ thấy ông đi từ nguyên tắc vô tướng để đạt tới sự phá đổ quan niệm nhị kiến. Vô tướng ở đây là không có một hình thái quyết định, một bản chất độc lập, một đồng nhất tính có thể xác nhận được. Thân là một thể hợp của nhiều nhân duyên (điều kiện) và có liên hệ mật thiết tới những hiện tượng kia không có thì nó cũng không có. Vây vô tướng đây tức là vô ngã, "vốn là không" như Tuệ Trung nói. Vì tồn tại trên liên hệ nhân quả chẳng chặt như thế nên khó có thể phân biệt được ranh giới giữa tự và tha, giữa phàm và thánh: tự, tha, phàm, thánh vốn hiện hữu trong ý niệm nhiều hơn nơi thực tại. Nếu không có khái niệm thì sẽ không có thị phui, không có chính tà.

*Không tâm, không thì cũng không phi  
Không kiến, chẳng tà cũng chẳng chính.*

Chữ tâm và chữ kiến trong hai câu trên đều có nghĩa là nhận thức khái niệm và phân biệt sai lầm.

Long Thọ (Nagarjuna) ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ hai đã phân tích và lý luận trên nguyên tắc nhân duyên sinh thực tại vượt ra ngoài những phạm trù sinh, diệt, thường, đoạn, đến, đi, nhất nguyên và đa nguyên (Trung Quán Luận). Ông kết luận rằng những phạm trù kia chỉ là những tạo tác của khái niệm nhận thức - Đem ra ngoài mà phân tích thì chúng không phù hợp với thực tại. Ví dụ về sinh và diệt: trên thực tế không có gì có thể từ không mà trở thành có, không có gì đang có mà trở thành không; bởi vì mọi hiện tượng tồn tại trên đà chuyển biến và trở thành. Cái trứng gà là sự tiếp tục của con gà, cái trứng gà không sinh. Nó đã tiềm tại trong con gà cho nên nó mới có thể hình thành từ con gà. Một cái bàn không thể sinh ra trứng. Bởi vì trứng không tiềm tàng trong cái bàn, nó không là sự tiếp nối trở thành của cái bàn. Đã không thực sự có sinh thì không thực sự có diệt. Thế giới nhìn qua nhận thức sinh diệt là thế giới phân biệt "nhị kiến" mà không phải là thế giới thực tại trong đó vạn pháp tồn tại trong một tương quan hòa điệu vi mật mà không thể cắt xén bằng khái niệm. Thế giới bất sinh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, không tới, không đi, không nhất nguyên và không đa nguyên ấy là niết bàn, là giải thoát, là giác ngộ là cảnh giới của thánh trí. Người học đạo phải đặt thân và sự sống mình trong thế giới "nhị kiến" thì trọn đời bị giam hãm; suốt đời chạy theo một đối tượng gọi là giải thoát, bồ đề, chứng ngộ mà không bao giờ đạt được. Thái độ tìm đạo trên căn bản "nhị kiến" này, tuệ trung gọi là thái độ bỏ bột mà tìm bánh (tự mịch man đầu nhi khí miến). Bỏ bột thì làm sao có bánh, cũng như bỏ mê thì không có ngộ, bỏ phàm thì không có thánh, bỏ phiến não thì không có bồ đề. Thái độ khôn ngoan nhất là thái độ không đuổi bắt một đối tượng ngoài tự thân. Đây là bài kệ Mê Ngộ Không Khác Nhau trong đó Tuệ Trung nói lên ý ấy:

*Khi mê thấy không sắc  
Khi ngộ hết sắc, không  
Sắc, không và mê ngộ  
Xưa nay một lẽ đồng  
Vọng niệm tam đồ hiện  
Chân thông ngũ nhãn thông  
Tâm niết bàn tĩnh lặng  
Biển sinh tử ngàn trùng  
Không sinh cũng không diệt  
Không thủy cũng không chung  
Thực tại lộ hình dung.  
(Mê khứ sinh không sắc  
Ngộ lai vô sắc không  
Sắc không mê ngộ giả*

Nhất lý cổ kim đồng  
Vọng khởi tam đồ khửoi  
Chân thông ngũ nhãn thông  
Niết bàn tâm tịch tịch  
Sinh tử hải trùng trùng  
Bất sinh hoàn bất diệt  
Vô thủy diệc vô chung  
Đẫn năng vong nhị kiến  
Pháp giới tận bao dung).

### **PHÁ VỠ NHỮNG VẤN ĐỀ GIẢ TẠO**

Phá vỡ vấn đề mà ta tự đặt cho mình kể cả vấn đề sinh tử mà đạo Phật gọi là vấn đề lớn (sinh tử sự đại), đều là những vấn đề giả tạo. mình tự đặt ra để ràng buộc lấy mình. Những vấn đề này đều được đặt ra trên căn bản nhận thức "nhị kiến". Hồi Nhân Tông hỏi Tuệ Trung tội báo có thể gây ra do sự ăn thịt uống rượu. Tuệ Trung đã nói rằng vấn đề không phải là vấn đề chọn lựa giữa tội và phúc mà là vấn đề siêu việt cả tội lẫn phúc:

*Trì giới và nhẫn nhục*

*Thêm tội chẳng thêm phúc*

*Muốn siêu việt tội phúc*

*Đừng trì giới nhẫn nhục.*

Ai cũng thấy rõ ràng không phải Tuệ Trung khuyên người ta đừng nên trì giới và nhẫn nhục. Trì giới và nhẫn nhục, đứng trên phương diện luân lý đạo đức là chuyện phải làm. Nhưng đứng trên phương diện giải thoát tà kiến, uốn đạt được thực sự siêu việt mê ngộ và siêu việt phàm thánh thì quan niệm phân biệt "tội-phúc", "trì giới-phá giới", "nhẫn nhục-sân nhuế" là một trở lực lớn. Trì giới nhẫn nhục mà không kẹt vào ý niệm mình đang trì giới nhẫn nhục, đây mới là điều Tuệ Trung nhắm tới: trên bình diện giải thoát, điều này mới tránh khỏi việc "thêm tội chẳng thêm phúc". Tuệ Trung nói rất rõ về tính cách vô phân biệt "nhị kiến" nó khiến cho ta đặt dra những vấn đề hư ngụy khiến ta mất đi cơ hội giác ngộ:

*Như người leo lên cây*

*Đang yên tự chuốc nguy*

*Nếu đừng leo cây nữa*

*Trăng gió làm được gì?*

Hình ảnh "nhị kiến" là hình ảnh một đứa bé ngồi trong phòng một mình ban đêm thấy bóng mình chiếu lên tường và tưởng đó là một ông ba bị đến dọa mình, dâm ra sợ hãi và chạy trốn quanh phòng, nhưng chạy đến đâu cũng bị chiếc bóng của mình theo đuổi. Nỗi khổ của đứa trẻ là do chính nó tự tạo ra vì cái nhìn "nhị kiến" của nó.

Vấn đề sinh tử, một vấn đề thường được đề cập đến trong đạo Phật như là vấn đề chính của kiếp người. Tuệ Trung nói đây cũng là một vấn đề ngụy tạo. sinh và tử, trong nhận thức ta là những thực thể chống đối nhau tuyệt đối; nhưng sinh và tử trong thực tại liên hệ nhau mật thiết đến nỗi ngoài sinh không có tử và ngoài tử không có sinh: ông gọi sinh và tử là những chuyện giả tạo: sinh là sinh giả tạo (vọng sinh), tử cũng là tử giả tạo (vọng tử):

*Khi tâm sinh chử, sinh tử sinh*

*Khi tâm diệt chử, sinh tử diệt*

*Sinh tử xưa nay tính vốn không*

*Thân huyễn hóa này cũng sẽ diệt.*

*Phiền não bồ đề cũng tiêu vong*

*Địa ngục thiên đường tự khô kiệt.*

*Nước sôi lửa cháy mát mẻ ngay*

*Núi kiếm rừng đao giả đồ hết*

*Thanh văn ngồi thiền ta không ngồi*

*Ta nói thực tại, không nói pháp.*

*Sinh là vọng sinh, tử vọng tử*

*Tứ đại vốn không, thiếu chỗ tựa*

Chớ như hươu khát đuổi bóng nước  
 Chạy khắp Tây Đông không ngừng nghỉ  
 Pháp thân không tới cũng không đi  
 Chân tính không phi cũng không thị  
 Đến nhà, còn hỏi đường là chi?  
 Thấy trắng, thôi khỏi cần tay chỉ  
 Sợ hãi tử sinh là người mê  
 Đạt ngộ ung dung là kẻ trí.  
 (Tâm chi sinh hề, sinh tử sinh,  
 Tâm chi diệt hề, sinh tử diệt.  
 Sinh tử nguyên lại tự tính không  
 Thử huyền hóa thân diệc đương diệt  
 Phiền não, bồ đề ám tiêu ma  
 Địa ngục thiên đường tự khô kiệt  
 Hoạch thang lô thán đốn thanh lương  
 Kiếm thụ đao sơn lập tồi chiết  
 Thanh văn tọa thiền ngã vô tọa  
 Bồ tát thuyết pháp ngã thực thuyết  
 Sinh tự vọng sinh, tử vọng tử  
 Tứ đại bốn không tòng hà khởi  
 Mạc vi khát lộ sẵn dương diệm  
 Đông tẩu Tây trì vô tạm dĩ  
 Pháp thân vô khứ diệc vô lai  
 Chân tính vô phi diệc vô thị  
 Đáo gia tu trí bãi vấn trình  
 Kiến nguyệt an năng khổ tầm chi  
 Ngu nhân điên đảo bổ sinh tử  
 Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ).

Chữ tâm dùng trong hai câu đầu của bài kệ cũng có nghĩa là nhận thức "nhị kiến". Bài kệ trên đây rất có tính cách tiêu biểu cho tư tưởng thiên của Tuệ Trung. Ông nói ông không ngồi thiền như Thanh Văn, không nói pháp như Bồ tát: sống được đời sống như hằng ngày trong thiên thì cần gì phải ngồi, nói pháp đâu có quan trọng bằng nói về sự sống thực tại. Khi đã thực sự sống trong đời sống thực tại giải thoát thì những cặp chống đối nhau như "sinh tử - niết bàn", "phiền não - bồ đề", "địa ngục - thiên đường"... không còn tồn tại nữa, bởi vì cái nhìn "nhị kiến" đã bị phá bỏ. Trong một bài kệ khuyên dạy môn đệ, Tuệ Trung đã khuyên họ nên vượt cả hai ý niệm chân (chân lý) và vọng (tà ý) bởi vì cả hai đều chỉ là khái niệm (trần):

Người đời bỏ vọng để cầu chân [7]  
 Chân vọng tâm kia vẫn pháp trần  
 Hãy vượt lên cao lên bờ bến ấy  
 Tham cùng đồng tử [8] đối tiền nhân  
 (Thế gian nghi vọng bất nghi chân  
 Chân vọng chi tâm diệc thị trần  
 Yếu đặc nhất cao siêu bỉ ngạn  
 Hảo tham đồng tử, diệm tiền nhân.)

### **DIỆU KHÚC BÀN LAI TU CỬ XƯỚNG**

Thực tại mầu nhiệm, ta phải sống trong lòng nó chứ không thể chỉ đi xung quanh nó và đàm luận về nó. Cũng vì vậy mà Tuệ Trung không để thì giờ luận thuyết về các đề tài đạo Phật và chú giải các kinh điển Phật Giáo. Tuệ Trung chủ trương rằng Phật tử không cần một lý thuyết: nguyên tắc đơn giản của đạo Phật là hãy sống cuộc đời tự tại của chính mình, không cần đi tìm đâu cả. Thế tính của ta vẫn sáng trong, chưa từng bị mê hoặc, chỉ cần quay về tự thân là ta có thể làm hiển lộ nó, khỏi cần đi tìm Phật tìm Tổ. Tinh ba của đạo

Phật là sự sống trong lòng thực tại giác ngộ mà không phải là những triết thuyết, cũng như tinh ba của một khúc nhạc là chỉ có thể thấy được khi khúc nhạc được cử xướng lên. chỉ đàm luận suông chung quanh một nhạc khúc thì không làm sao thấy được cái huyền diệu của khúc nhạc ấy. Hãy sống cuộc đời thức tỉnh và linh diệu của mình: khúc hát diệu huyền xưa nay được hát lên thì sự sống màu nhiệm mới hiển lộ:

*Thôi tìm Thiểu Thất với Tào Khê  
Thế sáng chưa từng bị lấp che  
Gió lộng không chia cao với thấp  
Trăng soi chẳng ngại chiếu trăm bề  
Mầu thu đậm nhạt tùy duyên sắc,  
Bùn sao vương được đóa sen hè  
Diệu khúc muôn đời nên cử sướng  
Đông Tây Nam Bắc chạy tìm chi.*

---

[7] (63) Chữ nghi trong câu “Thế gian nghi vọng bất nghi chân” có lẽ vốn là chữ chép lầm.

[8] (64) Đồng tử đây là Thiện Tài Đồng Tử, nói đến trong kinh Hoa Nghiêm (phẩm Nhập Pháp Giới). Thiện Tài đến với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và phát tâm tu học, sau đó đi dần về phương Nam tham vấn với 53 bậc thiện tri thức và nhờ đó mà chứng nhận được pháp giới, tức là pháp giới, tức là thế giới thực tại. Ở các thiền viện thường thấy tượng đức Quán Âm Bồ tát bên cạnh có một đồng tử chấp tay tham lễ: đó là cuộc tham vấn thứ 27 giữa Thiện Tài và Bồ Tát Quán Âm.